

Số: /KH-UBND

Vĩnh Bảo, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 và Kết luận số 129-KL/HU ngày 30/9/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 10/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 05); Kết luận số 129-KL/HU ngày 30/9/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Vĩnh Bảo (sau đây gọi tắt là Kết luận số 129) về nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ báo cáo số 623-BC/HU ngày 30/9/2024 về việc sơ kết 03 năm thực hiện Nghị Quyết số 05 của Ban Chấp hành đảng bộ huyện khóa XXVI về "Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030";

Căn cứ vào tình hình thực tiễn, để đảm bảo thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu của Nghị quyết số 05 và Kết luận số 129 của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 05 và Kết luận số 129 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05 và Kết luận số 129 của Huyện ủy về "Nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030" nhằm tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, các đơn vị và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các xã, thị trấn, các đơn vị giáo dục và sự hưởng ứng tích cực của các tầng lớp nhân dân, để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết và Kết luận đã đề ra.

- Kế hoạch là căn cứ để các phòng ban chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện hàng năm theo lộ trình; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết số 05 và Kết luận số 129.

2. Yêu cầu

Kế hoạch thực hiện phải bám sát các chỉ tiêu, tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn; các ngành, các cấp, các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung chỉ đạo điều hành, phối hợp chặt chẽ, huy động được các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện và thành phố. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện nhằm tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế theo tinh thần Nghị quyết số 05 của Ban Chấp hành đảng bộ huyện khóa XXVI và Kết luận số 129 của Huyện ủy về *"Nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030"*, phấn đấu đến năm 2025 giáo dục và đào tạo Vĩnh Bảo dẫn đầu khối huyện ngoại thành, đến năm 2030 đứng trong top đầu thành phố về chất lượng giáo dục, cơ sở vật chất phục vụ dạy-học, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

** Giai đoạn 2024-2025:*

- Nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục trên địa bàn huyện, đảm bảo cơ bản 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II là 22,78% (18/79 trường); đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2025.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ và đạt các chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết số 05-NQ/HU và Kết luận số 129-KL/HU;

** Định hướng đến năm 2030:*

- Phấn đấu đưa Vĩnh Bảo trở thành một trong những huyện top dẫn đầu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của thành phố.

- Tiếp tục giữ vững tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và nâng tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt trên 29%.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giảng dạy và quản lý giáo dục.

(Các chỉ tiêu cụ thể từng cấp học có phụ lục kèm theo).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao cơ sở vật chất giáo dục

1.1. Mục tiêu đến năm 2025, năm 2030

- Đến năm 2025:

+ Đảm bảo cơ bản 100% các trường học cơ bản đạt chuẩn quốc gia; trong đó có ít nhất 18 trường (22,78%) đạt chuẩn quốc gia mức độ II (*Bậc mầm non 09 trường, cấp TH 04 trường, cấp THCS 04 trường, cấp THPT 01 trường*).

+ Xây dựng mô hình và đưa vào sử dụng phòng (lớp) học thông minh tại ít nhất 1 trường mỗi cấp học, bậc học (*mầm non, tiểu học, trung học cơ sở*).

- Đến năm 2030:

+ Hoàn thành việc xây dựng các công trình nhà đa năng, nhà ăn bán trú và các khuôn viên trường học đạt chuẩn quốc gia.

+ Xây dựng 01 trường ngoài công lập.

+ Xây dựng thí điểm mô hình 01 trường học thông minh.

1.2. Giải pháp thực hiện:

- Tập trung mọi nguồn lực đầu tư xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II, gắn liền với thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng lập kế hoạch nâng cấp, mở rộng và xây mới các phòng học, trường học;

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các dự án xây dựng trường học.

2. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên

2.1. Mục tiêu đến năm 2025, năm 2030

- Mục tiêu đến năm 2025:

+ Đảm bảo cơ bản 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ, trong đó có ít nhất 30% giáo viên có trình độ trên chuẩn (*Bậc mầm non là 98%, cấp TH và THCS đạt 2%, cấp THPT 25%, GDTX đạt 23%*);

+ Phân đầu đạt 11-12% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ;

- Mục tiêu đến năm 2030: Phân đầu đạt 18-20% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ.

2.2. Giải pháp thực hiện:

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên có năng lực, phẩm chất tốt, tâm huyết với nghề được coi là yếu tố then chốt, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và xu thế hội nhập quốc tế

- Đưa chỉ tiêu đào tạo bồi dưỡng, nâng chuẩn vào tiêu chí thi đua đánh giá các trường học cuối các năm học;

- Tạo điều kiện để giáo viên và cán bộ quản lý tham gia các khóa học nâng cao tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài huyện;

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, hỗ trợ một phần về tài chính cho giáo viên và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ đào tạo (*Cán bộ quản lý, giáo viên chủ động kinh phí để học tập nâng cao trình độ*).

3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông

3.1. Mục tiêu đến năm 2025, năm 2030

- *Mục tiêu đến năm 2025:*

+ Phần đầu đạt và vượt các chỉ tiêu về chất lượng theo Nghị quyết 05 và Kết luận số 129-KL/HU, ngày 30/9/2024 của Huyện ủy;

+ Triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh cho trẻ em từ 3-5 tuổi ở 100% các trường mầm non;

+ Đảm bảo 100% học sinh các cấp học đúng độ tuổi, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông đạt 100%;

+ Tăng tỷ lệ phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS là 15%.

- *Mục tiêu đến năm 2030:*

+ Triển khai chương trình làm quen với tiếng Anh cho 100% trẻ em từ 3-5 tuổi ở các trường mầm non;

- Tăng tỷ lệ phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS lên trên 17%.

3.2. Giải pháp thực hiện:

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học;

- Phối hợp, liên kết với các trung tâm ngoại ngữ, các trường Cao đẳng, Đại học để mở rộng chương trình ngoại ngữ, tin học, dạy nghề cho học sinh;

- Tổ chức mời các chuyên gia cao cấp, giảng viên của các trường đại học về mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên để nâng

cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết, trách nhiệm coi là yếu tố then chốt để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn nhằm đảm bảo tất cả học sinh đều được đến trường và học tập đầy đủ.

4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp và liên kết đào tạo

4.1. Mục tiêu đến năm 2025, năm 2030

- *Mục tiêu đến năm 2025:*

+ Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65%, trong đó có 41,14% lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 03 tháng trở lên.

+ Mở rộng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong các ngành: Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng.

- *Mục tiêu đến năm 2030:*

+ Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 70%, trong đó có 45% lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ từ 03 tháng trở lên.

+ Mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo tập trung vào các ngành như Logistics; Điện tử công nghiệp; Điện công nghiệp; Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); Quản trị khách sạn; Điều dưỡng.

+ Thu hút 50-55% học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp (căn cứ theo Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 30/9/2024 của UBND thành phố thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2045).

4.2. Giải pháp thực hiện

- Phối hợp, liên kết với các cơ sở đào tạo nghề, các trường Cao Đẳng, Đại học có uy tín để mở rộng các khóa học, đào tạo các ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thành phố và thời kỳ hội nhập quốc tế;

- Tạo điều kiện cho học sinh sau khi tốt nghiệp THCS và THPT có thể lựa chọn học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề uy tín;

- Các trường THCS, THPT chủ động thực hiện tốt công tác tuyên truyền hướng nghiệp và định hướng phân luồng đối với học sinh THCS, THPT, đẩy mạnh tuyên truyền về GDNN và định hướng tham gia GDNN trong nhà trường.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến và thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND

ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo một số nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2024-2030.

Tăng cường gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động trong và ngoài huyện.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

5.1. Mục tiêu đến năm 2025, năm 2030

- *Mục tiêu năm 2025:*

+ *Ứng dụng công nghệ trong 100% trường học:* Mọi trường đều triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm quản lý giáo dục, sử dụng hệ thống quản lý học tập và thông tin học sinh.

+ *Đào tạo công nghệ cho giáo viên và học sinh:* Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên được đào tạo kỹ năng số, 70% học sinh THCS trở lên học các khóa công nghệ thông tin.

+ *Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin:* 100% trường học có internet tốc độ cao, thiết bị công nghệ đầy đủ, đảm bảo an ninh mạng.

+ Xây dựng mỗi cấp học, bậc học 03 lớp học thông minh;

- *Mục tiêu năm 2030:*

+ *Chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục:* Áp dụng EdTech như VR, AR, và Big Data trong giảng dạy, 100% trường học triển khai học tập kết hợp trực tuyến.

+ *Nâng cao kỹ năng số toàn diện:* Giáo viên đạt chứng chỉ công nghệ giáo dục, học sinh từ lớp 6 học lập trình và tư duy số.

+ *Hợp tác địa phương với doanh nghiệp công nghệ:* Phát triển các chương trình học thực hành với sự hỗ trợ của doanh nghiệp, góp phần xây dựng một trung tâm học liệu số của thành phố phục vụ các trường học.

+ Phân đầu xây dựng 100% các trường có lớp học thông minh; 01 mô hình trường học thông minh;

5.2. Giải pháp thực hiện

- *Ứng dụng công nghệ trong trường học:* Sử dụng một phần mềm quản lý giáo dục đơn giản cho toàn huyện như: quản lý điểm số, thông tin học sinh và tài liệu học tập. Kêu gọi tài trợ từ quỹ địa phương và doanh nghiệp để hỗ trợ chi phí trang bị máy tính và kết nối mạng ban đầu cho các trường.

- *Đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và học sinh:* Tổ chức các khóa học định bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến về kỹ năng số và sử dụng công nghệ cho giáo viên; thực hiện việc lồng ghép, tích hợp kỹ năng số, công dân số

vào nhà trường trong chương trình các môn học, môn Tin học, hình thức các câu lạc bộ tin học, các cuộc thi...

- *Cải thiện hạ tầng công nghệ*: Bố trí ngân sách, nguồn xã hội hóa để cải thiện kết nối internet và thiết bị công nghệ trong trường học;

- *Thúc đẩy học tập kết hợp trực tuyến và trực tiếp*: Thực hiện thí điểm đến nhân rộng mô hình qua các nền tảng miễn phí như Áp dụng Google Classroom, Microsoft Teams cho giảng dạy kết hợp.

- *Liên kết doanh nghiệp tổ chức khóa học thực hành*: Hợp tác với doanh nghiệp công nghệ, kêu gọi các nhà tài trợ để tổ chức khóa học thực hành, tạo cơ hội cho học sinh tham gia các buổi học thực hành và chương trình trải nghiệm thực tế và các cuộc thi công nghệ, lớp học ngoại khóa.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch huy động từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới kiểu mẫu; nguồn ngân sách huyện, ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước, từ nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ mục tiêu và nhiệm vụ hàng năm UBND các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán, Phòng Tài chính-Kế hoạch chủ trì phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo huyện và các phòng ban có liên quan tổng hợp dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy và Đề án của Ủy ban nhân dân huyện về việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện chủ trì, phối hợp với Phòng nội vụ huyện và các phòng ban có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập trường học trên địa bàn huyện theo quy định.

- Tham mưu cho Ban chỉ đạo phân công nhiệm vụ cho các thành viên (*Phụ lục VIII*), kiểm tra các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục xây dựng kế hoạch và tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục và tình hình thực tiễn của địa phương; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân huyện qua phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện; đề xuất các biện pháp giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Phòng Nội vụ

Phòng Nội vụ huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tham

muu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Đề án sắp xếp, sáp nhập các trường học, thực hiện quy trình bổ nhiệm, tuyển dụng, giao chỉ tiêu biên chế, luân chuyển để đáp ứng nhu cầu về cơ cấu, số lượng, chất lượng; giải quyết chế độ chính sách kịp thời đảm bảo đúng quy định. Hàng năm biểu dương, khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển giáo dục đào tạo của huyện

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Chủ trì, phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu phân bổ nguồn ngân sách thường xuyên, đầu tư mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, kinh phí xây dựng trường chuẩn quốc gia trình UBND huyện phê duyệt, tranh thủ sự giúp đỡ của các sở, các ngành, UBND thành phố; giám sát tiến độ thực hiện các công trình có liên quan, kịp thời báo cáo UBND huyện.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với UBND các xã, thị trấn căn cứ quy hoạch sử dụng đất, rà soát mở rộng diện tích đất các trường học hoặc đề xuất vị trí xây dựng trường học theo đúng quy định.

5. Phòng Kinh tế-Hạ tầng

Chủ trì phối hợp với các phòng ban có liên quan triển khai công tác quy hoạch và đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình trường học; mở rộng diện tích các trường học đảm bảo đạt chuẩn quốc gia gắn liền với Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu;

6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn lồng ghép chương trình nông thôn mới kiểu mẫu gắn với xây dựng trường chuẩn quốc gia.

7. Phòng Văn hóa-Thông tin; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận ủng hộ các các tầng lớp nhân dân và các tổ chức xã hội trong việc xã hội hóa mà trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục, huy động các nguồn lực để đầu tư cho giáo dục.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, tiến tới xã hội học tập.

8. Ủy ban MTTQ Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội

Đề nghị thực hiện tốt việc vận động các lực lượng xã hội tham gia đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực trong xã hội cùng chăm lo phát triển cho sự nghiệp giáo dục, đề xuất các giải pháp để xây dựng huyện học tập, xã hội học tập đáp ứng nhu cầu được học ở mọi nơi, mọi lúc trong tầng lớp nhân dân.

9. UBND các xã, thị trấn

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn: xây dựng kế hoạch thực hiện, chỉ đạo các ngành, đoàn thể các tổ chức xã hội và nhân dân phối hợp với ngành giáo dục, các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, thị trấn thực hiện các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

- Gắn chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu với việc xây dựng trường chuẩn quốc gia, xây dựng xã hội học tập; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng, chất lượng phổ cập giáo dục-xoá mù chữ;

10. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện

Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong Nghị quyết 05, Đề án 2568, các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện tiếp tục tổ chức phổ biến quán triệt về việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Đề án; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai kịp thời; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND huyện (*qua phòng Giáo dục và Đào tạo huyện*).

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Thường trực Huyện ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện (để báo cáo);
- Ban Thường vụ Huyện ủy (để báo cáo);
- CT, các PCT HĐND, UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ sở giáo dục huyện;
- Lưu: VT, GDĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Lân

PHỤ LỤC I

CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT SỐ 05-NQ/HU VÀ KẾT LUẬN SỐ 129-KL/HU

STT	Tên các chỉ tiêu	Hiện tại năm 2024	Chỉ tiêu đến năm 2025	Chỉ tiêu đến năm 2030	Ghi chú
I	GIÁO DỤC MẦM NON				
1	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường.	79,3%	78%	86%	
2	Tỷ lệ trẻ nhà trẻ đến trường.	48,4%	47%	57%	
3	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo 4 tuổi, 5 tuổi đến trường.	99,6%	100%	100%	
4	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng	0,02%	< 3%	< 0,02%	
	Triển khai chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ 3, 4, 5 tuổi.	90%	100%	100%	
5	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	94,8%	100%	100%	
	Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn (Đại học)	84.72%		98%	
6	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ.	0%	11-12%	18-20%	
7	Số trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục.	93.33%	100%	100%	
8	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	06 trường	05 trường	8 trường	
9	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	06 trường	03 trường	7 trường	
10	Xây dựng trường mầm non tư thục	0 trường	01 trường	01 trường	
11	Trường xây dựng lớp (phòng) học thông minh.		03 trường	30 trường	
II	GIÁO DỤC TIỂU HỌC				
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	
2	Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày	100%	100%	100%	
3	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	94,35%	100%	100%	
4	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ	6%	10-11%	45%	
5	Số trường đạt chuẩn quốc gia	92%	100%	100%	
6	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	04 trường	11 trường	11 trường	

7	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	01 trường	05 trường	05 trường	
8	Trường xây dựng lớp (phòng) học thông minh.	0 trường	03	25 trường	
III	GIÁO DỤC THCS				
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	
2	Tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS	12,2%	15%	>15%	
4	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	97,46%	100%	100%	
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ	7,32%	11-15%	25%	
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia	84,2%	100%	100%	
7	Số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ II	06 trường	11 trường	11 trường	
8	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	03 trường	04 trường	05 trường	
9	Xây dựng trường chất lượng cao: THCS Tam Cường, THCS Nguyễn Bình Khiêm.	Chưa đánh giá	Hoàn thành giai đoạn 1	Hoàn thành giai đoạn 2	
10	Trường xây dựng lớp (phòng) học thông minh.	0 trường	03	19 trường	
IV	GIÁO DỤC THPT				
1	Tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi	100%	99,3%	100%	
2	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	99,71%	99,5%	99.8%	
3	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đi học các trường nghề	36,5%	35%	38%	
4	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	100%	100%	
5	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ	27,2%	Trên 35%	30%	
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II	01 trường	01 trường	01 trường	
7	Xây dựng phòng học thông minh	0	01 phòng	05 phòng	
7	Mô hình trường THPT Vĩnh Bảo chất lượng cao	Chưa đánh giá	đang thực hiện		
V	GDNN-GDTX				
1	Tỷ lệ học sinh vừa học văn hóa vừa học nghề	99,12%	97%	100%	
2	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	100%	100%	Đạt	
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ thạc sĩ	21,42%	20%	23%	

4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	87,5%	87%-88%	88%	
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	65%	65%	65%	
6	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ	41,14%	40%	45%	
7	Xây dựng phòng học thông minh	0	01 phòng	01 phòng	
VI	Thành lập Trung tâm Tin học	0	01 TT Tin học	01	01 Trung tâm

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai và hoàn thành
1	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận số 129 của Huyện ủy.	Phòng văn hóa Thông tin, Ban tuyên giáo Huyện ủy, các cấp ủy, Đảng	Phòng GD&ĐT, các xã, thị trấn, các đoàn thể, các cơ sở giáo dục	Tháng 10 năm 2024
2	Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện để tổ chức triển khai thực hiện	Phòng GD&ĐT	Các phòng ban có liên quan	Tháng 11 năm 2024
3	Thành lập ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch cấp cơ sở triển khai thực hiện	Các cơ sở giáo dục	UBND các xã, thị trấn	Tháng 11 năm 2024
4	Xây dựng kế hoạch Công nghệ thông tin	Phòng GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	Tháng 10 năm 2024
4	Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn.	Phòng GD&ĐT		Tháng 10-12 năm 2024
5	Xây dựng kế hoạch trường chuẩn quốc gia năm 2024	Phòng GD&ĐT	Các phòng Ban có liên quan	Tháng 6 hàng năm
6	Xây dựng kế hoạch hợp sáp nhập các trường TH, các trường THCS theo Đề án sáp nhập các đơn vị hành chính xã	Phòng Nội vụ	Phòng GD&ĐT và các phòng Ban có liên quan	Tháng 12 năm 2024
7	Xây dựng kế hoạch PCGD, PCXMC, xã hội học tập	Phòng GD&ĐT	UBND các xã, Thị trấn	Hàng năm
8	Xây dựng kế hoạch tuyển viên chức mầm non, TH, THCS, GDTX hàng năm	Phòng Nội vụ	Phòng GD&ĐT	Hàng năm
9	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ.	Phòng GD&ĐT	Phòng Nội vụ, Ban tổ chức Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy	Hàng năm
10	Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và bồi dưỡng HSG.	Phòng GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
11	Chủ động tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn ngân sách thường xuyên, đầu tư mua sắm trang	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các phòng Ban có liên quan	Hàng năm

	thiết bị, kinh phí xây dựng trường chuẩn quốc gia trình UBND huyện phê duyệt.			
12	Xây dựng kế hoạch tổ chức Biểu dương khen thưởng giáo viên, học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc tiêu biểu.	Phòng GD&ĐT	Các phòng, Ban có liên quan	Hàng năm
13	Xét tặng giải thưởng Nguyễn Bình Khiêm cho các tập thể, cá nhân Ngành giáo dục.	Phòng GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	2 năm 1 lần
14	Tổng kết đánh giá 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05, Đề án 2568 và 01 năm thực hiện Kết luận số 129-KL/HU.	Phòng GD&ĐT	Các phòng, Ban có liên quan	Tháng 12 năm 2025
15	Rà soát, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết và Đề án giai đoạn 2025-2030	Phòng GD&ĐT	Các phòng Ban có liên quan	Tháng 12 năm 2025
16	Tổng kết 5 năm triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018	Phòng GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	tháng 6 năm 2025
17	Tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết số 05, Đề án 2568 và Kết luận số 129-KL/HU.	Phòng GD&ĐT	Các cơ sở giáo dục	tháng 12 năm 2030

PHỤ LỤC III

BẢNG DỰ TRÙ KINH PHÍ CHI CHO CÁC DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 11 năm 2024)*

STT	Nội dung công việc	Kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Nâng cấp và xây mới cơ sở vật chất 260.000			
1.1	Xây dựng, nâng cấp trường chuẩn quốc gia (mức độ II)	260.000	Ngân sách đầu tư theo Chương trình nông thôn mới kiểu mẫu (184.457 triệu đã được phê duyệt), xã hội hóa.	Đến năm 2025, ít nhất 15 trường
1.2	Xây nhà đa năng, nhà ăn bán trú tại một số trường		Ngân sách huyện, xã hội hóa giáo dục.	Ưu tiên các trường chưa đạt chuẩn trên địa bàn 11 xã
2	Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý: 6.000			
2.1	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cho giáo viên, cán bộ quản lý.	6.000	Ngân sách huyện, chương trình đào tạo giáo viên (Mỗi năm 300 triệu)	Bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ hàng năm
2.2	Khuyến khích hỗ trợ cho giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn	350	Ngân sách huyện	Đối với giáo viên đạt chuẩn cao (Thạc sĩ, tiến sĩ)
3	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục 61.450			
3.1	Trang bị hệ thống quản lý giáo dục và hệ thống quản lý học sinh	650	Ngân sách chi thường xuyên của các trường, xã hội hóa	Triển khai và bảo trì các phần mềm hồ sơ điện tử, tài chính... trong toàn bộ các trường

3.2	Đào tạo kỹ năng số cho giáo viên và học sinh	800	Ngân sách huyện, các trường và xã hội hóa	Đào tạo kỹ năng số trực tuyến và trực tiếp
3.3	Xây dựng 75 phòng học thông minh tại các cấp học, bậc học MN, TH, THCS, GDTX.	45.000	Chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư công, xã hội hóa	Mỗi trường học ít nhất 1 phòng học thông minh
3.4	Xây dựng thí điểm 01 trường học thông minh	15.000	Chương trình đầu tư công, xã hội hóa giáo dục	
4	Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện 3.000			
4.1	Tổ chức các lớp tập huấn và nâng cao chất lượng giảng dạy	2.500	Ngân sách huyện, các trường, xã hội hóa (mỗi năm 300 triệu)	Ưu tiên các lớp học ngoại ngữ, tin học, Toán, Văn, Anh, các lớp tập huấn đội tuyển
4.2	Triển khai các chương trình phân luồng học sinh sau THCS, THPT	500	Ngân sách huyện, xã hội hóa giáo dục	Tăng cường phân luồng sau tốt nghiệp THCS
5	Phát triển giáo dục nghề nghiệp và liên kết đào tạo 1.700			
5.1	Mở rộng liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	1.000	Ngân sách Nhà nước, xã hội hóa	Tập trung các ngành nghề theo Nghị quyết, Kết luận.
5.2	Hỗ trợ học sinh tham gia đào tạo nghề	700	Ngân sách huyện, xã hội hóa	Học sinh có nhu cầu học nghề logistics, công nghệ ô tô, điện tử công nghiệp, công nghệ thông tin theo Nghị quyết 03/2024 của HĐND thành phố
6	Tăng cường xã hội hóa trong giáo dục 3000			

6.1	Vận động nguồn tài trợ từ doanh nghiệp và các tổ chức xã hội	3.000	Xã hội hóa giáo dục	Hỗ trợ trang thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất
7	Tuyên truyền và tổ chức sự kiện giáo dục: 8.900			
7.1	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về giáo dục	500	Ngân sách huyện, các trường	Phối hợp với các phòng ban
7.2	Tổ chức sự kiện biểu dương, khen thưởng giáo viên, học sinh, sinh viên xuất sắc	8.400	Quỹ khuyến học và xã hội hóa giáo dục	Hàng năm tổ chức biểu dương, khen thưởng 1.400 triệu/năm
Tổng cộng		344.050		

(Tổng dự kiến đầu tư kinh phí trong 06 năm (2025-2030) là 344.050 triệu đồng)